

## MẪU SỐ 01A. BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

<i>Điền thông tin số thứ tự từ 1 trở đi.</i>	<i>Điền thông tin mô tả công việc làm thông tin cho Nhà thầu tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này. Hệ thống hỗ trợ tối đa 3 cấp dữ liệu.</i>	<i>Điền thông tin khối lượng tham khảo cho mô tả công việc.  Lưu ý: Định dạng dấu chấm ngăn cách phần nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tối đa 4 số thập phân sau dấu ','.  Ví dụ: 2.362,5505;... BMT nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel: <a href="https://prnt.sc/-kDLF4BXJobx">https://prnt.sc/-kDLF4BXJobx</a></i>	<i>Điền thông tin đơn vị tính.</i>
<b>STT</b>	<b>Mô tả công việc(2)</b>	<b>Khối lượng tham khảo(3)</b>	<b>Đơn vị tính</b>
1	KHỐI 14 PHÒNG HỌC		
1.1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	6,491	100m <sup>2</sup>
1.2	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường ngoài nhà	574,404	m <sup>2</sup>
1.3	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần, cột ngoài nhà	768,783	m <sup>2</sup>
1.4	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường trong nhà	421,010	m <sup>2</sup>
1.5	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần, cột trong nhà	565,472	m <sup>2</sup>
1.6	Bả bằng bột bả vào tường ngoài nhà	574,404	m <sup>2</sup>
1.7	Bả bằng bột bả vào tường trong nhà	421,010	m <sup>2</sup>
1.8	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần ngoài nhà	768,783	m <sup>2</sup>
1.9	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần trong nhà	565,472	m <sup>2</sup>

1.10	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1.343,187	m2
1.11	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	986,482	m2
1.12	Tháo dỡ bệ xí	21,000	bộ
1.13	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	3,486	m3
1.14	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	3,486	m3
1.15	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	17,430	m2
1.16	Lát nền, sàn gạch - Tiết diện gạch $\leq 0,09m^2$ , vữa XM M75, PCB40 (Gạch Granite 300x300)	17,430	m2
1.17	Ốp tường trụ, cột - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, PCB40 (Gạch Ceramic 250x400)	10,920	m2
1.18	Lắp đặt xí bệt	21,000	bộ
1.19	Lắp đặt vòi xịt vệ sinh + T chia vệ sinh	21,000	bộ
1.20	Lắp đặt co nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 90mm	21,000	cái
1.21	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	173,676	m2
1.22	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	5,210	m3
1.23	Láng sê nô, dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	173,676	m2
1.24	Láng sê nô dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	173,676	m2
1.25	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng	173,676	m2
1.26	Bảo vệ bề mặt đá mài (vệ sinh + quét keo bóng)	146,350	1m2
2	<b>KHỐI 11 PHÒNG HỌC + CHỨC NĂNG</b>		
2.1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	8,895	100m2
2.2	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường ngoài nhà	960,460	m2
2.3	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần, cột ngoài nhà	408,435	m2
2.4	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường trong nhà	935,660	m2
2.5	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần, cột trong nhà	764,610	m2
2.6	Bả bằng bột bả vào tường ngoài nhà	960,460	m2
2.7	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần ngoài nhà	408,435	m2
2.8	Bả bằng bột bả vào tường trong nhà	935,660	m2
2.9	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần trong nhà	764,610	m2
2.10	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1.368,895	m2

2.11	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1.700,270	m2
2.12	Phá dỡ nền gạch hiện hữu	815,368	m2
2.13	Tháo dỡ gạch ốp tường	17,370	m2
2.14	Vận chuyên phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	24,982	m3
2.15	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	815,368	m2
2.16	Lát nền, sàn gạch - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, PCB40 (Gạch Granite 400x400)	815,368	m2
2.17	Ốp tường trụ, cột - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$ , vữa XM M75, PCB40 (Gạch Granite 400x400)	17,370	m2
2.18	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - kim loại	22,679	m2
2.19	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	22,679	m2
2.20	Cung cấp lắp đặt tay nắm cửa (tay nắm gạt) + ổ khóa	16,000	bộ
2.21	Bảo vệ bề mặt đá mài (vệ sinh + quét keo bóng)	68,564	1m2
2.22	Vệ sinh kính	94,800	m2
2.23	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	96,010	m2
2.24	Vận chuyên phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	2,880	m3
2.25	Láng sê nô, dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	96,010	m2
2.26	Láng sê nô dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	96,010	m2
2.27	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng	96,010	m2
2.28	Khoan lấy lõi xuyên qua bê tông cốt thép, lỗ khoan đường kính $F_i > 70mm$ , chiều sâu khoan $\leq 30cm$	18,000	1 lỗ khoan
2.29	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 60mm	0,054	100m
2.30	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang, vữa XM M75, PCB40	0,339	m2
3	<b>KHỐI PHÒNG ĂN + 8 PHÒNG HỌC</b>		
3.1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	10,061	100m2
3.2	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường ngoài nhà	1.032,581	m2
3.3	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần, cột ngoài nhà	598,297	m2
3.4	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - tường trong nhà	1.397,312	m2
3.5	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - xà dầm, trần cột trong nhà	823,246	m2
3.6	Bả bằng bột bả vào tường ngoài nhà	1.032,581	m2
3.7	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần ngoài nhà	598,297	m2

3.8	Bả bả bột bả vào tường trong nhà	1.397,312	m2
3.9	Bả bả bột bả vào cột, dầm, trần trong nhà	823,246	m2
3.10	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bả sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1.630,877	m2
3.11	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bả sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	2.220,558	m2
3.12	Cạo bỏ lớp vôi, sơn cũ trên bề mặt - kim loại	5,407	m2
3.13	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	5,407	m2
3.14	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	178,048	m2
3.15	Vận chuyên phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	5,341	m3
3.16	Láng sê nô, dày 2cm, vữa XM M100, PCB40	178,048	m2
3.17	Láng sê nô dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	178,048	m2
3.18	Quét dung dịch chống thấm mái, sê nô, ô văng	178,048	m2
3.19	Khoan lấy lõi xuyên qua bê tông cốt thép, lỗ khoan đường kính Fi >70mm, chiều sâu khoan ≤30cm	38,000	1 lỗ khoan
3.20	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 60mm	0,114	100m
3.21	Trát sê nô, mái hắt, lam ngang, vữa XM M75, PCB40	0,716	m2
3.22	Tháo chốt cửa sổ bị hư	5,000	công
3.23	Khoan lỗ bê tông - Lỗ khoan Fi ≤12mm, chiều sâu khoan ≤5cm	91,000	1 lỗ khoan
3.24	Cung cấp, lắp đặt chốt cửa sổ	90,000	cái
3.25	Cung cấp, lắp đặt chốt cửa đi	1,000	cái
3.26	Cung cấp lắp đặt bản lề cửa	2,000	cái
3.27	Lắp đặt đèn ống dài 0,6m, hộp đèn 1 bóng	1,000	bộ
3.28	Bảo vệ bề mặt đá mài (vệ sinh + quét keo bóng)	86,053	1m2
3.29	Vệ sinh kính	23,562	m2
4	CHI PHÍ DỰ PHÒNG, Chi phí dự phòng (NT phải chào đúng CPDP theo KHLCNT gồm: Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh: 110.781.000 đồng) (CPDP là cố định, NT không giảm giá cho chi phí này).		

4.1	NT phải chào đúng CPDP cho gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Phần CPDP này sẽ do CĐT quản lý và chỉ được thanh toán trong trường hợp có công việc phát sinh theo đúng quy định. Trường hợp nhà thầu không chào đúng giá trị trên hoặc không chào thì bên mời thầu sẽ hiệu chỉnh về đúng giá trị Chi phí dự phòng để đánh giá.	1,000	Khoản
-----	---	-------	-------

